

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2025

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tam .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Đinh Hữu Long.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Ngọc Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

* Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Lý Hoàng V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

* Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025, Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 31/3/2015. Trong quá

trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, không lo cho con cái. Từ năm 2017 đến nay, chị T và anh V không còn sống chung với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, do đó chị T yêu cầu giải quyết cho ly hôn anh V. Về con chung: có 01 con chung tên Lý Bảo Q, sinh ngày 27/8/2015. Hiện nay, cháu Q đang ở cùng anh V tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

**Đối với bị đơn, anh Lý Hoàng V:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lý Hoàng V, nhưng anh V vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: Nguyên đơn, chị T nộp: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, 01 bản sao Giấy khai sinh, 01 bản sao căn cước công dân, 01 bản chính Đơn đề nghị thu thập tài liệu, chứng cứ. Tòa án thu thập: 01 biên bản xác minh ngày 12/3/2025 và được cán bộ tư pháp – hộ tịch UBND xã Q, huyện Q cung cấp: không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện của chị T và anh V; biên bản xác minh ngày 12/3/2025, Công an xã Q, huyện Q cung cấp: anh V có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa phương và sống cùng với mẹ là bà Lê Thị T1. Tại Biên bản xác minh ngày 17/6/2025, ông Nguyễn C – Trưởng thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cung cấp: cháu Lý Bảo Q, sinh ngày 27/8/2015 – con của chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1992 và anh Lý Hoàng V, sinh năm 1990 hiện nay đang sống cùng với bố ruột là anh Lý Hoàng V tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:* - Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt anh Lý Hoàng V không có lý do; không tham gia tố tụng cũng như vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lý Hoàng V có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V và có nguyện vọng giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên quan hệ pháp luật được xác định là “tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Lý Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cố tình trốn tránh, không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lý Hoàng V tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 31/3/2015. Sau kết hôn, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, không lo cho con cái. Từ năm 2017 đến nay, chị T và anh V không còn sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh V không tham gia các phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và G.[4]. Về con chung: có 01 con chung tên Lý Bảo Q, sinh ngày 27/8/2015. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao cháu Q cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại bản trình bày của cháu Lý Bảo Q thì cháu có nguyện vọng được ở với ba. Hiện tại, cháu Q đang sống cùng với anh V.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không giải thích thêm. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và iGđinh.[5]. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T đối với anh Lý Hoàng V về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lý Hoàng V.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Bảo Q, sinh ngày 27/8/2015 cho anh Lý Hoàng V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010676 ngày 10/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. 4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- (Giấy CNKH số 15 ngày 31/3/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tam

